TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 11 năm 2019
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Hồng
2. Ông Tán Nghị

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Bàng – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự**:**

Nguyên đơn: Ông Lê Đức Qu, sinh năm 1967. Địa chỉ: 300/34/25/5 Nguyễn Văn L, phường B, quận 7, TP. H. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Thanh L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 14, phường B, quận H, thành phố Đ. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đ. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2019 và bản tự khai ngày 05.9.2019 và quá trình tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và nguyên đơn ông Lê Đức Qu thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức Qu và bà Nguyễn Thị L xây dựng gia đình có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau nên đến năm 1999 ông Qu vào miền Nam sống từ đó đến nay, không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên ông Qu đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

Về quan hệ con chung: Ông Qu xác định vợ chồng có 03 con chung là Lê Đức V, sinh năm 1987; Lê Thị L, sinh năm 1991 và Lê Thị Nhã Ph, sinh năm 1994; các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 14.10.2019 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Đức Qu xây dựng gia đình có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau thì ông Qu có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có 01 con riêng sinh năm 1994, bà có khuyên ông Qu quay về chăm lo cho gia đình và con cái nhưng đến năm 1999 ông Quang bỏ nhà đi vào miền Nam sống với người phụ nữ khác. Nhiều lần bà có đi tìm ông Qu quay về nhưng ông Qu không về, từ đó đến nay ông Qu không có trách nhiệm với gia đình nữa. Nay ông Qu yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về quan hệ con chung: vợ chồng có 03 con chung là Lê Đức V, sinh năm 1987; Lê Thị L, sinh năm 1991 và Lê Thị Nhã Ph, sinh năm 1994; các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: 01 CMND và hộ khẩu (bản photo chứng thực); 03 Trích lục khai sinh của con (bản sao); 01 Đơn xin xác nhận (bản chính); Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; 02 Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của nguyên đơn,

bị đơn; Hồ sơ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; Biên bản xác minh tại địa phương.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Đức Qu; về quan hệ hôn nhân, xử cho ông Qu được ly hôn bà Nguyễn Thị L. Án phí dân sự sơ thẩm ông Qu phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Nguyên đơn ông Lê Đức Qu, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị L đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt những người trên.

[2] Ông Lê Đức Qu và bà Nguyễn Thị L xây dựng gia đình với nhau có tổ chức lễ cưới vào tháng 11 năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 44 Nghị định 123/2015/NĐ-CP, điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09.6.2000 của Quốc Hội thì mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng đây là trường hợp hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Qu và bà L xác định vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, theo ông Qu thì nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, theo bà L thì nguyên nhân là ông Qu bỏ nhà đi vào miền Nam sống với người phụ nữ khác, cả hai đều thừa nhận vợ chồng đã không sống chung từ năm 1999 cho đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay ông Qu yêu cầu ly hôn thì bà L đồng ý. Qua xác minh tại địa phương, thể hiện vợ chồng ông Qu bà L không còn sống chung với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Qu và bà L đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức Qu và xử cho ông Qu được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

[3] Về con chung: Ông Lê Đức Qu và bà Nguyễn Thị L xác định ông bà có 03 con chung tên là Lê Đức V, sinh năm 1987; Lê Thị L, sinh năm 1991 và Lê Thị Nhã Ph, sinh năm 1994; các con chung đã thành niên, cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, ông Qu xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà L xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Lê Đức Qu và bà Nguyễn Thị L xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Lê Đức Qu phải chịu là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

[7] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức Qu đối với bà Nguyễn Thị Lvề việc "Ly hôn ".

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Đức Qu được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* ông Lê Đức Qu phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* ông Qu đã nộp tại biên lai thu số 2490 ngày 28.8.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Qu đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, báo cho ông Lê Đức Qu, bà Nguyễn Thị L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ;